



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: 70834

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN QUY TRU
Last Middle First

Current Address: 292 Hai Bà Trưng, P. 4., Q1, TP HCM

Date of Birth: 11/3/47 Place of Birth: Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 3/26/75 To 10/13/81
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: KHUC MINH THO

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN QUY. TRU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1- Nguyen thi Lan	04/10/55	Wife

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



Embassy of the United States of America

DATE: OCT 24, 89

IV: 70839

PA: NGUYEN QUY TRU

KHUC MINH THO

FAMILIES OF VN POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

Dear KHUC MINH THO

This is in response to your inquiry of JUN 4, 89 regarding the above mentioned ODP applicants.

This case is based on NGUYEN QUY TRU's 6 years in reeducation.

Cases of former political prisoners who spent time in reeducation are being reviewed in order of the time spent in reeducation. Given the large number of this type of case on file with the ODP it is impossible to determine when this case might be reviewed. If, at the time of review, it meets all ODP requirements a Letter of Introduction (LOI) will be issued. If further documentation or explanation is required we will contact the U.S. sponsor or the principal applicant in Vietnam directly.

If anyone in the U.S. is eligible to file an IV petition for the individuals on this case and has not done so already, it is recommended that they do so. Our experience has been that the Vietnamese react more favorably to requests for emigration for cases of family reunification. Attached is information on the filing of petitions.

There will be no further action taken on this case until it is eligible for review.

If the applicants on this case should appear on a list of names presented by the Vietnamese indicating that they will be available for interview, their eligibility for the program will be considered at that time.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

U.S. Orderly Departure Program

Ở NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TY CÔNG AN B.T.T.

Huế, ngày 13 tháng 10 năm 1981

LỆNH THA

Căn cứ thông tư số 220/TTg và thông tư số 240 ngày 4-4-1978 và ngày 9-8-1980 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc xét tha và gia hạn đối với các binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền các chế độ cũ và các tổ chức chính trị, đảng phái phản động hiện đang bị tập trung giáo dục cải tạo các trại trong tỉnh.

Thực hiện quyết định tha số (QĐ) ngày tháng năm của ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên

TRƯỞNG TY CÔNG AN BÌNH TRỊ THIÊN

RA LỆNH THA

Họ và tên: Nguyễn Quý Tru bị danh

Ngày tháng năm sinh: 1947

Quốc quán: 222 Hai Bà Trưng TP. Hồ Chí Minh

Trú quán

Cấp bậc, chức vụ, trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ

Trưởng Ủy Trúing Ban C.T.T

Khi về phải trực tiếp trình diện ngay với Ủy ban nhân dân, công an

thị trấn Thị trấn Kim và công an huyện Kim

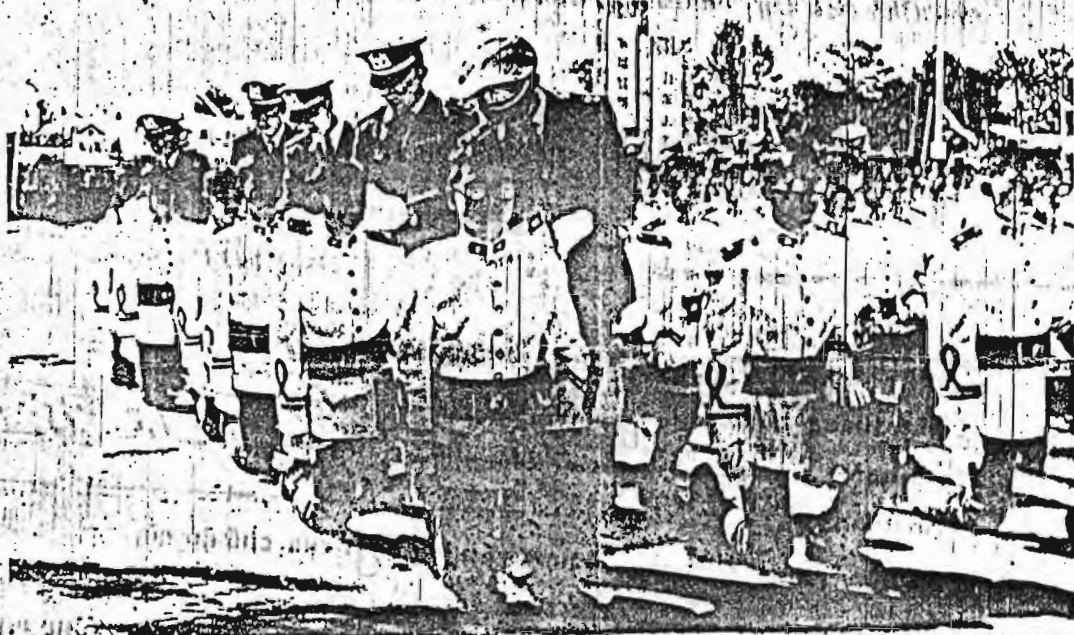
thuộc tỉnh TP. Hồ Chí Minh và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa

phương trong thời hạn 6 tháng đến 12 tháng và phải chấp hành các quyết định của

Ủy ban nhân dân các cấp về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

K/ TRƯỞNG TY CÔNG AN
BÌNH TRỊ THIÊN

Nghị quyết của



BỘ QUỐC - PHÒNG
BỘ TỔNG - THAM - MƯU - Q. L. V. N. C. H.
TỔNG - CỤC CHIẾN - TRANH CHÁNH - TRỊ
TRƯỜNG ĐẠI - HỌC CHIẾN - TRANH CHÁNH - TRỊ

THẺ CÁN - CƯỚC SINH - VIÊN SĨ - QUAN

Số TĐHCCT/LĐKS/CC

Họ và Tên NGUYỄN - LUY - TRU

Số quân 07/200.252

Trung - Đội Đại - Đội Khóa

KBC. 4643, ngày 10 tháng 2 năm 1960

Mai Quân Đại Tá LAM - HUY - Y

Trưởng Lam - Huy - Y



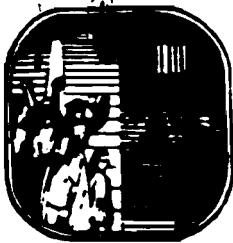
Hồ sơ có thân nhân
bảo lãnh phải chờ
đúng thời hạn ODP
mới cấp Lôi.

Political Prisoner
có mới với ông
Tua sẽ hết hạn
mã qua.

Hồ sơ đề
hợp với BNG.

13 yrs.

Phân cách Mạng
có phải vi thể mã
o được cấp Lôi?



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYỄN Quý TRU
Last Middle First

Current Address 292 Hai Bà Trưng, F.4, Q.1, HCM. VN

Date of Birth 11-03-1947 Place of Birth Saigon, VN.

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 03-26-1975 To 10-13-1981

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>None</u>			
_____		_____	
_____		_____	
_____		_____	

Form Completed By:

Name H G D T N. C. T V N
F V N P P A
P O Box 5435
Address Arlington, VA 22205

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

QUỐC LÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TY CÔNG AN B.T.T.

Huê, ngày 13 tháng 10 năm 1981.

LỆNH THA

Căn cứ thông tư số 220/TTg và thông tư số 240 ngày 4-4-1978 và ngày 9-8-1980 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc xét tha và gia hạn đối với các binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền cũ ở chế độ cũ và các tổ chức chính trị, đảng phái phản động hiện đang bị tập trung giáo dục cải tạo các trại trong lĩnh.

Thi hành quyết định tha số (QĐ ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên

TRƯỞNG TY CÔNG AN BÌNH TRỊ THIÊN

RA LỆNH THA

Họ và tên: Nguyễn Văn Khoa bị danh

Ngày tháng năm sinh: 1947

Quốc quán: 292 Hai Bà Trưng TP Hồ Chí Minh

Trú quán: TP Hồ Chí Minh

Cấp bậc, chức vụ, trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ

Trưởng ủy trưởng Ban CTCT

Khi về phải trực tiếp trình diện ngay với Ủy ban nhân dân, công an xã

Thị trấn Trà My và công an huyện Trà My

thước tỉnh TP Hồ Chí Minh và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa phương trong thời hạn 6 tháng đến 12 tháng và phải chấp hành các quy định của Ủy ban nhân dân các cấp về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

KHI TRƯỞNG TY CÔNG AN
BÌNH TRỊ THIÊN

Nguyễn Văn Khoa

SERVICE CULTUREL FRANÇAIS
AU VIET-NAM

No d'inscription :

713



CERTIFIÉ PAR
Le Chef de la Section des Examens et

[Signature]

P. TRANCHINSU

N° 001145

BACCALAURÉAT

DE L'ENSEIGNEMENT SECONDAIRE

Vu les textes législatifs réglementant l'examen du Baccalauréat,

Vu le procès-verbal du jury siégeant

à Saigon

pour la session du 14 Avril 1967

Le Conseiller Culturel certifie que :

Monsieur NGUYEN QUY TRU

né le 3 Novembre 1947

à Saigon

a été déclaré définitivement admis à l'examen du Baccalauréat de

l'Enseignement Secondaire, Série Sciences Expérimentales

avec la mention Passable

Signature de l'Impétrant,

[Signature]

Le Conseiller Culturel,



[Signature]

J. DUPONT

N.B. - Aucun duplicata du présent certificat ne sera délivré : les intéressés devront en faire éléver le cas échéant des copies certifiées conformes.

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ NỘI VỤ

THẺ CÁN-CÔNG

Số 675180

Họ Tên
Đi danh

NGUYỄN-QUÝ-TRU



Ngày, năm sinh 3-II-1947

Nơi sinh H a i G o n

Cha Nguyễn-Quý-Dan

Mẹ Đặng-thị-Hoà

Nghề nghiệp Học-sinh

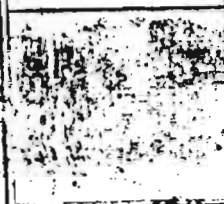
Địa chỉ 292 đường Hai Bà Trưng (Sài Gòn)

Cao: 1 th 58

Nặng: 50 Kg.



Nghĩa vụ quân sự



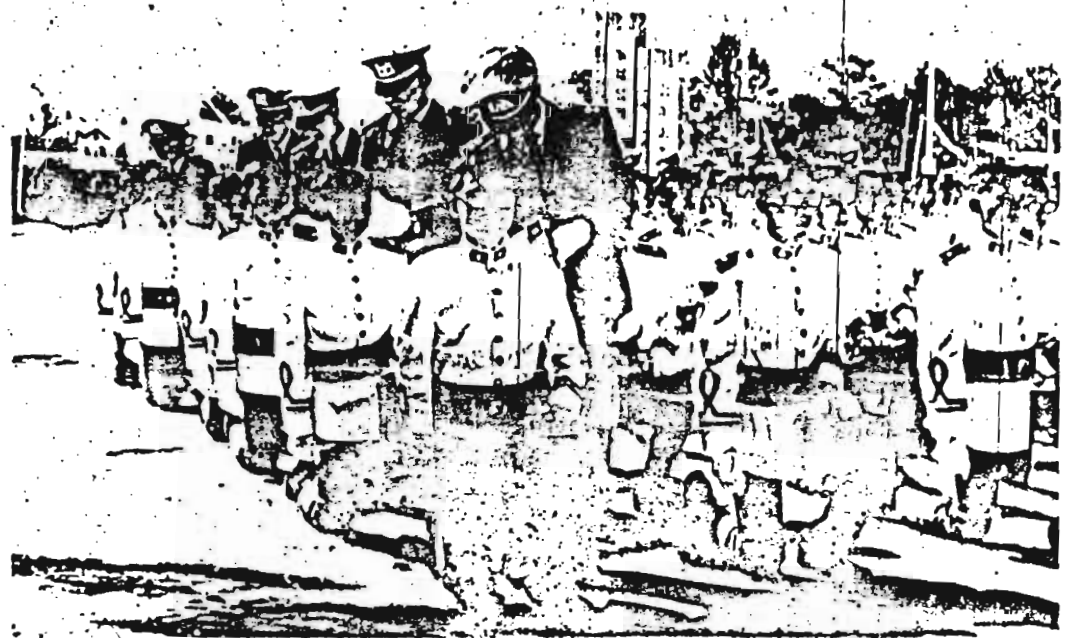
Nghĩa vụ quân sự

Dấu vết riêng:

Nút ruồi I trên khoé
phải miệng.

SÀI GÒN, ngày 22-2-1965
QUẬN-TRƯỞNG QUẬN NHỰT.

(Signature)
S. H. H.



BỘ QUỐC - PHÒNG
BỘ TỔNG - THAM - MƯU Q. L. V. N. C. H.
TỔNG-CỤC CHIẾN-TRANH CHÍNH-TRỊ
TRƯỞNG ĐẠI-HỌC CHIẾN-TRANH CHÍNH-TRỊ

THẺ CÁN-CƯỚC SINH-VIÊN SĨ-QUAN

Số TĐHCTCT/LĐKS/CC

Họ và Tên NGUYỄN - CÚ - THỦY

Số quân 67/200.252

Trung-Đội Đại-Đội Khóa

KBC. 4649, ngày 10 tháng 2 năm 1960

Mỗi Quân Đại-Ti Lâm

Trưởng *Đào Thanh*



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN QUÝ TRU Sex: Phái Male
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 3-11-1947 - SAIGON
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 292 Hai Bà Trưng P. 11, HCM city Vietnam.
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : Same address.
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : thợ chạm + thợ bạc

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relative's Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	: NGUYEN QUY VU	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: Brother	
c. Address Địa-chỉ		

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYEN QUY DUC (L)
2. Mother
Mẹ : DANG THI HOI (L)
3. Spouse
Vợ/Chồng: :
4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):
5. Children
Con cái:
 - (1)
 - (2)
 - (3)
 - (4)
 - (5)
 - (6)
 - (7)
 - (8)
 - (9)
6. Siblings
Anh chị em:
 - (1) NGUYEN QUY VU (L)
 - (2) NGUYEN QUY HAO (L)
 - (3) NGUYEN QUY HO (L)
 - (4) NGUYEN THI MINH NGUYET (L)
 - (5) NGUYEN THI MINH NHAT (L)
 - (6) NGUYEN QUY HUNG (L)
 - (7) NGUYEN QUY DUAN (L)
 - (8)
 - (9)

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-đo của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

7. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN QUÝ TRU

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến 26-03-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Lieutenant Serial Number: 67/806252
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chung : 17 Cavalry Brigade, Armor

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Lieutenant Colonel NGUYỄN VIỆT THANH

6. Reason for Separation : Prisoner of war
 Lý do nghỉ việc :
 7. Names of American Advisor(s): Major Herzog (1971)
 Họ tên cố-vấn Mỹ :
 8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
 tại Việt-Nam :
 9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: _____ Date received: _____
 Phần-chương hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes No.)
 (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-chữ nếu có. Đứng sự có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
 2. School and School Address :
 Trường và địa-chỉ nhà trường :
 3. Dates: From _____ To _____
 Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
 4. Description of Courses :
 Mô-tả ngành học :
 5. Who paid for training? :
 Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)
 (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN QUÝ TRUY
 2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
 Thời gian học-tập Từ: 26-03-1975 Đến: 13-10-1981
 3. Still in Reeducation? Yes _____ No _____
 Vẫn còn học-tập cải-tạo? Có _____ Không _____

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
 *(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Signature
 Ký tên :

Date
 Ngày:

12-11-1986

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Release certificate
- credit certificate
- Bachelor certificate
- Polwar college certificate